

Áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế ở các doanh nghiệp Việt Nam - Lý luận và thực tiễn

NGUYỄN LA SOA*

Tóm tắt

Bài viết phân tích, đo lường và so sánh mức độ sẵn sàng áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) đối với các loại hình doanh nghiệp Việt Nam. Kết quả cho thấy, mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS ở các doanh nghiệp Việt Nam là chưa cao. Hơn thế nữa, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, có sự khác nhau về mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS ở các doanh nghiệp theo thị trường chứng khoán niêm yết và theo quy mô của doanh nghiệp. Từ đó, nghiên cứu đã đưa ra các khuyến nghị nhằm khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam đẩy nhanh quá trình lập báo cáo tài chính theo IFRS, thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy hội nhập quốc tế.

Từ khóa: áp dụng IFRS, IFRS, báo cáo tài chính

Summary

This study aims to analyze, measure and compare the readiness to apply IFRS for types of enterprises in Vietnam. Research results show that the level of readiness to apply IFRS in Vietnamese enterprises is not high. Moreover, there are differences in the willingness to apply IFRS in enterprises by listed stock market and by size. From those findings, recommendations are made to encourage Vietnamese enterprises to accelerate the process of preparing financial statements according to IFRS so as to attract investment, improve competitiveness and promote international integration.

Keywords: application of IFRS, IFRS, financial statements

GIỚI THIỆU

IFRS (International Financial Reporting Standards) là các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, gồm các chuẩn mực kế toán được ban hành bởi Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) với mục tiêu đặt ra các quy tắc chung để báo cáo tài chính có thể thống nhất, minh bạch và có thể so sánh trên toàn thế giới. Lập và trình bày báo cáo tài chính theo IFRS sẽ làm gia tăng niềm tin với nhà đầu tư, thúc đẩy phát triển thị trường vốn toàn cầu, mở rộng quan hệ hợp tác và tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên trường quốc tế. Ở Việt Nam, ngày 16/3/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 345/QĐ-BTC phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính (IFRS) tại Việt Nam. Theo đó, sau năm 2025 quy định áp dụng bắt buộc đối với từng nhóm doanh nghiệp thuộc các đối tượng cụ thể dựa trên khả năng sẵn sàng, nhu cầu và tình hình thực tế của doanh nghiệp. Vì vậy, trong giai đoạn này, rất cần các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ các doanh nghiệp hiểu biết về IFRS, nắm được những lợi ích từ việc lập báo cáo tài chính theo IFRS, để từ đó nhận sự hỗ trợ của các nhà quản trị doanh nghiệp trong việc ủng hộ áp dụng IFRS. Nghiên cứu của tác giả được

thực hiện để khuyến khích nhà quản trị các doanh nghiệp đẩy nhanh quá trình vận dụng IFRS ở doanh nghiệp, tăng lợi thế cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Khái niệm mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS được các học giả tiếp cận theo nhiều hướng khác nhau. Moqbel và cộng sự (2013) cho rằng, mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS là mức độ quen thuộc với IFRS, cũng như là khả năng nhận thức về tính hữu ích và rủi ro khi áp dụng IFRS. Guerreiro và cộng sự (2008) định nghĩa, mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS là khả năng áp dụng đầy đủ IFRS, sự quen thuộc được hiểu theo kiến thức và năng lực của đơn vị trong việc sử dụng IFRS. Nghiên cứu của Omri và Akrimi (2011) cho rằng, mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS là các hoạt động thay đổi để phù hợp với hệ thống IFRS.

* Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày nhận bài: 20/12/2022; Ngày phản biện: 10/01/2023; Ngày duyệt đăng: 15/01/2023

BẢNG 1: NỘI DUNG THANG ĐO CỦA NHÂN TỐ MỨC ĐỘ SẴN SÀNG ÁP DỤNG IFRS

Mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS (Willingness to adopt IFRS)		Nguồn
WA1	Nhà quản trị doanh nghiệp đã có hiểu biết về IFRS, nhận thức được những lợi ích và thách thức khi áp dụng IFRS	Moqbel và cộng sự, 2013; Guerreiro và cộng sự, 2008; Omri và Akrimi, 2011; Phan và cộng sự, 2018
WA2	Doanh nghiệp đã sẵn sàng để thay đổi tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên phòng kế toán theo yêu cầu áp dụng IFRS	
WA3	Doanh nghiệp sẵn sàng hỗ trợ công tác đào tạo nhân viên phòng kế toán để đáp ứng việc áp dụng IFRS	
WA4	Doanh nghiệp đã sẵn sàng chuẩn bị hệ thống cơ sở vật chất và công nghệ để đáp ứng việc áp dụng IFRS	
WA5	Doanh nghiệp sẵn sàng chuẩn bị nguồn lực tài chính để đáp ứng việc áp dụng IFRS	

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Như vậy, có nhiều cách tiếp cận khác nhau về mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS. Việc sử dụng một hệ thống IFRS không phải chỉ có quan điểm chủ quan từ phía các nhà chính sách, mà còn phải có được sự chuẩn bị sẵn sàng từ phía các doanh nghiệp áp dụng. Vì vậy, mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS của các doanh nghiệp trong nghiên cứu này là sự chuẩn bị những hoạt động thay đổi từ phía bản thân doanh nghiệp để phù hợp với hệ thống IFRS. Để làm được điều này, các nhà quản lý doanh nghiệp cần phải nhận thức được lợi ích của việc lập báo cáo tài chính theo IFRS, để từ đó sẵn sàng tạo ra cơ hội cho bộ phận kế toán của công ty được đào tạo, tiếp cận và hiểu biết sâu với hệ thống IFRS. Chính vì vậy, nghiên cứu sử dụng các thang đo ở Bảng 1 để đánh giá về mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS ở doanh nghiệp Việt Nam.

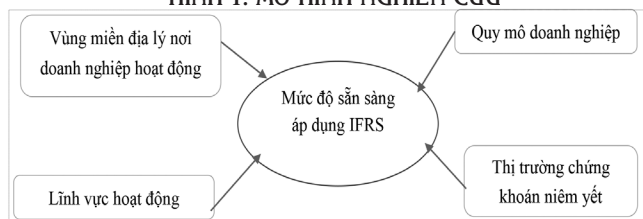
Mô hình nghiên cứu

Từ tổng quan các nghiên cứu liên quan và tình hình doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam, tác giả dự kiến những đặc điểm của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS để lập và trình bày báo cáo tài chính ở các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm: (1) Vùng miền địa lý nơi doanh nghiệp hoạt động; (2) Lĩnh vực hoạt động; (3) Thị trường chứng khoán niêm yết và (4) Quy mô doanh nghiệp. Tiếp đó, tác giả tham vấn ý kiến chuyên gia và điều chỉnh một lần nữa để phù hợp nhất với điều kiện thực tế ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Mô hình nghiên cứu bao gồm 4 nhân tố được xây dựng tại Hình 1.

Phương pháp nghiên cứu

Trong phương pháp nghiên cứu định tính, tác giả đã xây dựng 5 thang đo cho biến phụ thuộc “Mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS ở các doanh nghiệp”. Thang

HÌNH 1: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU



Nguồn: Tác giả đề xuất

đo Likert 5 điểm (từ 1 điểm tương ứng với mức độ Rất thấp cho đến 5 điểm tương ứng với mức độ Rất tốt) được dùng để đo lường biến phụ thuộc. Đối tượng khảo sát là nhà quản trị cấp cao, giám đốc tài chính, kế toán trưởng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam. Thời gian khảo sát từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2022. Số phiếu khảo sát phát ra là 940 phiếu, thu về 465 phiếu, số phiếu hợp lệ được đưa vào nghiên cứu là 312 phiếu. Phiếu khảo sát sơ bộ được xây dựng và gửi đến đối tượng khảo sát thông qua ứng dụng Google biểu mẫu.

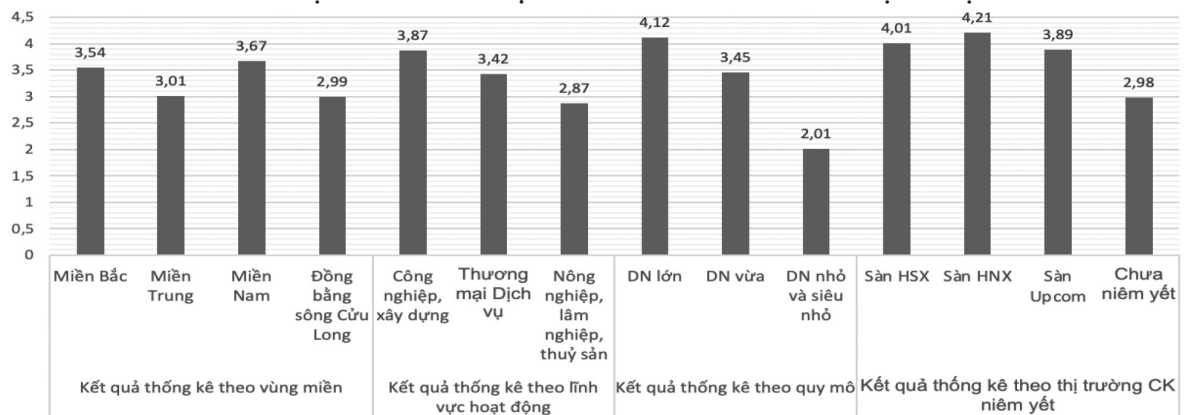
Trong phương pháp nghiên cứu định lượng, dữ liệu thu được từ khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 26. Trước hết, kiểm định về độ tin cậy của thang đo biến phụ thuộc mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Sau đó, kiểm định One - Way ANOVA được sử dụng để kiểm định giá trị trung bình và phân tích sự khác biệt về mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS ở các nhóm doanh nghiệp khác nhau theo vùng miền, theo lĩnh vực hoạt động, theo thị trường chứng khoán niêm yết và theo quy mô của doanh nghiệp.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Đánh giá chung về mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS của các doanh nghiệp Việt Nam

Kết quả ở Hình 2 cho thấy, nhìn chung, mức độ sẵn sàng của các doanh nghiệp Việt Nam để áp dụng IFRS chưa cao. Xét theo vùng miền, thì mức điểm trung bình dao động từ 2,99-3,67 trên thang 5 và các doanh nghiệp ở miền Nam có mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS cao nhất. Theo lĩnh vực hoạt động, mức điểm trung bình dao động từ 2,8-3,85, trong đó các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng có

HÌNH 2: MỨC ĐỘ SẴN SÀNG ÁP DỤNG IFRS CỦA CÁC DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM



Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS cao nhất. Theo quy mô, mức điểm trung bình dao động từ 2,0-4,12, các doanh nghiệp có quy mô càng lớn, thì càng có nhu cầu và mức độ sẵn sàng để áp dụng IFRS. Theo thị trường chứng khoán niêm yết, mức điểm trung bình dao động từ 2,9-4,21. Trong đó, các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) có mức độ sẵn sàng áp dụng cao nhất, còn các doanh nghiệp chưa niêm yết thì chưa thực sự sẵn sàng cho việc áp dụng IFRS. Điều này chứng tỏ, các doanh nghiệp niêm yết có nhu cầu minh bạch thông tin càng cao, thì mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS càng lớn.

Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo biến phụ thuộc Mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS được trình bày ở Bảng 2. Kiểm định Cronbach's Alpha cho thấy, độ tin cậy của các thang đo đều thỏa mãn tiêu chuẩn Cronbach's Alpha > 0,6, hệ số tương quan biến - tổng > 0,3 (Gliem và Gliem, 2003). Như vậy, biến Mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS được đo lường bởi 5 thang đo.

Kết quả kiểm định One - way ANOVA

Bảng 3 trình bày kết quả kiểm định One - way Anova cho lần lượt các biến phụ thuộc là: (1) Vùng miền địa lý nơi doanh nghiệp hoạt động; (2) Lĩnh vực hoạt động; (3) Thị trường chứng khoán niêm yết; (4) Quy mô doanh nghiệp. Kết quả cho thấy, hệ số Sig. với các kiểm định của biến Thị trường chứng khoán niêm yết và Quy mô doanh nghiệp đều < 0,05, nên có sự khác biệt có ý nghĩa về mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS của các doanh nghiệp theo thị trường chứng khoán niêm yết và theo quy mô doanh nghiệp. Hệ số Sig. với các kiểm định của biến Vùng miền địa lý nơi doanh nghiệp hoạt động và Lĩnh vực hoạt động đều > 0,05, do vậy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các doanh nghiệp thuộc các vùng miền khác nhau hay thuộc các lĩnh vực khác nhau.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS ở các doanh nghiệp Việt Nam là chưa cao. Hơn nữa, có sự khác nhau về mức độ sẵn sàng áp dụng

IFRS ở các doanh nghiệp theo thị trường chứng khoán niêm yết và theo quy mô của doanh nghiệp.

Từ kết quả nghiên cứu trên, để khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS, nâng cao khả năng cạnh tranh, tác giả đưa ra đề xuất khuyến nghị cụ thể cho từng nhóm, nhằm giúp doanh nghiệp tăng mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS, cụ thể như sau:

Với các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn đã niêm yết trên thị trường chứng khoán

Đây là nhóm doanh nghiệp có mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS rất cao và là những doanh nghiệp đang trong giai đoạn chuẩn bị hoặc đã tự nguyện áp dụng bút toán chuyển đổi khi lập báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS. Với những nhóm doanh nghiệp này, nhà quản trị đã hiểu tương đối đúng về lợi ích từ lập báo cáo tài chính theo IFRS mang lại. Do vậy, cần có sự hỗ trợ cần thiết từ phía Nhà nước, giúp các doanh nghiệp tiến hành xây dựng lộ trình áp dụng IFRS cụ thể, thay đổi tiêu chí về tuyển dụng nhân viên kế toán nhằm hạn chế phát sinh các chi phí đào tạo nhân viên trong quá trình làm việc tại doanh nghiệp. Doanh nghiệp cũng cần cập nhật các tiến bộ khoa học và phát triển hệ thống công nghệ thông tin, trang thiết bị để giảm thiểu tối đa chi phí đầu tư cho việc nâng cấp công nghệ. Ngoài ra, có thể tiến hành ký kết hợp đồng hợp tác với một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cùng thực hiện các chính sách đôi bên cùng có lợi, giúp tiết kiệm được một khoản chi phí, cũng như giúp các doanh nghiệp có được tư vấn chuyên môn từ các chuyên

BẢNG 2: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH ĐỘ TIN CẬY CỦA THANG ĐO

Cronbach's Alpha			Số lượng biến quan sát	
,629			5	
Thống kê biến - tổng				
	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến - tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
WA1	14,75	15,510	,659	,751
WA2	13,91	13,912	,546	,659
WA3	12,32	14,915	,670	,841
WA4	11,32	12,915	,570	,742
WA5	10,80	10,060	,420	,600

BẢNG 3: BẢNG ANOVA - KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH ONE - WAY ANOVA

Vùng miền địa lý

	Tổng bình phương	df	Bình phương trung bình	F	Sig.
Giữa các nhóm	91,457	2	45,587	5,104	0,068
Nội nhóm	286,429	28	10,345		
Tổng	356,234	30			

Lĩnh vực hoạt động

	Tổng bình phương	df	Bình phương trung bình	F	Sig.
Giữa các nhóm	89,423	2	45,587	4,254	0,019
Nội nhóm	286,429	28	10,345		
Tổng	356,234	30			

Quy mô doanh nghiệp

	Tổng bình phương	df	Bình phương trung bình	F	Sig.
Giữa các nhóm	91,457	2	45,587	4,276	0,027
Nội nhóm	286,429	28	10,345		
Tổng	356,234	30			

Thị trường chứng khoán niêm yết

	Tổng bình phương	df	Bình phương trung bình	F	Sig.
Giữa các nhóm	91,457	2	45,587	4,276	0,020
Nội nhóm	286,429	28	10,345		
Tổng	356,234	30			

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

gia trong lĩnh vực công nghệ. Bên cạnh việc phát huy những thế mạnh vốn có, doanh nghiệp cũng cần quan tâm đến công tác bồi dưỡng các kế toán viên của doanh nghiệp, giúp các kế toán viên hiểu và có thể áp dụng IFRS một cách chính xác. Doanh nghiệp cần thực hiện các dự án ký kết với các cơ quan chuyên môn về kế toán, kiểm toán, tài chính để đào tạo nghiệp vụ cho người lao động. Thường xuyên thực hiện các quy định về đào tạo, cập nhật kiến thức

mới, nâng cao kiến thức chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho kế toán viên trong doanh nghiệp.

Với các doanh nghiệp quy mô vừa, đã niêm yết trên thị trường chứng khoán

Đối với nhóm doanh nghiệp này, thì Nhà nước cần xem xét về việc quy định thời gian bắt buộc áp dụng IFRS. Trong quá khứ, đã xảy ra rất nhiều trường hợp các doanh nghiệp chuyển đổi sang áp dụng IFRS, nhưng chỉ chú trọng đến thời hạn tiến độ do yêu cầu bắt buộc từ Bộ Tài chính, mà không cân nhắc giữa chi phí bỏ ra và lợi ích đạt được. Nếu doanh nghiệp đã sẵn sàng và lên kế hoạch chuyển đổi trong giai đoạn

tự nguyện, thì doanh nghiệp có thể cân bằng giữa chi phí chuyển đổi và lợi ích đạt được, đồng thời kế hoạch này cũng phải có phạm vi đủ rộng để nắm được hết các yêu cầu khắt khe khi áp dụng chuẩn mực. Nhưng nếu doanh nghiệp đang trong giai đoạn bắt buộc áp dụng, thì chi phí chuyển đổi có thể sẽ lớn hơn rất nhiều so với lợi ích mà doanh nghiệp mong muốn nhận về.

Với các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa, chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán

Những doanh nghiệp thuộc nhóm này chưa thực sự sẵn sàng để áp dụng IFRS, bởi họ đang còn e ngại về lợi ích và đang có sự cân nhắc giữa lợi ích và chi phí. Vì vậy,

doanh nghiệp cần có chính sách hỗ trợ nhà quản trị các cấp nâng cao sự hiểu biết về tầm quan trọng cũng như lợi ích của việc vận dụng IFRS đối với doanh nghiệp. Cùng với đó, công tác tuyên truyền hỗ trợ đào tạo từ phía Nhà nước cũng rất cần thiết. Nhà quản lý có thể cân nhắc đẩy mạnh đầu tư nguồn nhân lực, tài lực cho đội ngũ nhân sự bằng cách đưa nhân viên đi đào tạo, học tập, nâng cao chuyên môn, kiến thức liên quan đến IFRS, góp phần nâng cao sự sẵn sàng áp dụng của doanh nghiệp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aboagye Otchere, F., Agbeibor, J. (2012), The International Financial Reporting Standard for Small and Medium sized Entities (IFRS for SMES): suitability for small businesses in Ghana, *Journal of Financial Reporting and Accounting*, 10(2), 190-214.
2. Anh, T. C., Thị, N. B., Tú, O. L. T. (2019), Relationship between experts and enterprises viewed via the IFRS application: An empirical study in Vietnam, *Asian Economic and Financial Review*, 9(8), 946-963.
3. Chan, L. L., Idris, N. (2017), Validity and reliability of the instrument using exploratory factor analysis and Cronbach's alpha, *International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences*, 7(10), 400-410.
4. Floropoulos, J., Moschidis, O. (2004), Are small enterprises ready for the implementation of IFRS? The case of Greece, *East-West Journal of Economics and Business*, 7(2), 81-116.
5. Gliem, J. A., Gliem, R. R. (2003), *Calculating, interpreting, and reporting Cronbach's alpha reliability coefficient for Likert-type scales*, 2003 Midwest Research to Practice Conference in Adult, Continuing, and Community Education, Columbus, 82-88.
6. Guerreiro, M. S., Rodrigues, L. L., Craig, R. (2008), *The preparedness of companies to adopt International Financial Reporting Standards: Portuguese evidence*, Paper presented at the Accounting Forum.
7. Jermakowicz, E. K., Gornik-Tomaszewski, S. (2006), Implementing IFRS from the perspective of EU publicly traded companies, *Journal of international accounting, auditing and taxation*, 15(2), 170-196.
8. Kiliç, M., Uyar, A. (2017), Adoption process of IFRS for SMEs in Turkey: Insights from academics and accountants, *Accounting and Management Information Systems*, 16(2), 313-339.
9. Masca, E. (2012), Influence of Cultural Factors in Adoption of the IFRS for SMEs, *Procedia Economics and Finance*, 3, 567-575.
10. Moqbel, M., Charoensukmongkol, P., Bakay, A. (2013), Are US academics and professionals ready for IFRS? An explanation using technology acceptance model and theory of planned behavior, *Journal of International Business Research*, 12(2), 47.
11. Nguyen, T. H. (2022), The willingness to voluntarily apply international financial reporting standards in Vietnam: Empirical evidence from listed parent companies, *Cogent Business & Management*, 9(1).
12. Nguyen, T. L. H., Le, T. H. P., Dao, N. M., Pham, N. T. (2020), Factors affecting enterprises that apply the International Financial Report Standards (IFRS): A case study in Vietnam, *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 7(12), 409-422.
13. Omri, M. A., Akrimi, N. (2011), The preparedness of listed Tunisian companies to adopt international financial reporting standards, *International Journal of Accounting, Auditing and Performance Evaluation*, 7(3), 253-265.
14. Pais, C. A. F., Bonito, A. L. M. (2018), The macroeconomic determinants of the adoption of IFRS for SMEs: Los Determinantes macroeconómicos en la adopción de las IFRS para las pymes, *Revista de Contabilidad-Spanish Accounting Review*, 21(2), 116-127.
15. Phan, D., Joshi, M., Mascitelli, B. (2018), What influences the willingness of Vietnamese accountants to adopt International Financial Reporting Standards (IFRS) by 2025?, *Asian Review of Accounting*, 26(6).